

MỘT SỐ DẪN LIỆU VỀ PHÂN LOẠI CHI MUA (*MELASTOMA* L.) Ở VIỆT NAMKhuất Văn Quyết<sup>1</sup>, Đỗ Thị Xuyên<sup>2</sup><sup>1</sup>Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2<sup>2</sup>Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,  
Đại học Quốc gia Hà Nội

Chi Mua (*Melastoma* L.) thuộc họ Mua (Melastomataceae Juss.), ở Việt Nam xác định được 13 loài, 1 phân loài và 1 thứ. Tuy là 1 chi nhỏ nhưng các đại diện thuộc chi Mua có vai trò khá quan trọng trong các hệ sinh thái rừng thứ sinh, một số loài được dùng làm thuốc, làm cảnh, làm thực phẩm, phân bón,... cho nên bên cạnh giá trị khoa học, chúng còn có giá trị thực tiễn. Cho đến nay ở Việt Nam, tuy đã có một số công trình nghiên cứu phân loại chi Mua (*Melastoma* L.), đồng thời nhiều loài mới thuộc chi đã được công bố ở Việt Nam, nhưng rất nhiều loài trong số đó hiện nay được coi là tên đồng nghĩa và cũng chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống về chi này ở Việt Nam. Để chuẩn bị cho việc nghiên cứu một cách toàn diện về phân loại và cung cấp dữ liệu cho việc nhận biết các loài trong chi, chúng tôi tiến hành nghiên cứu phân loại chi Mua (*Melastoma* L.) ở Việt Nam.

## I. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**1. Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu các loài thuộc chi Mua (*Melastoma* L.) ở Việt Nam, dựa trên cơ sở mẫu vật và tài liệu.

**Tài liệu:** Các tài liệu về phân loại chi Mua (*Melastoma* L.) trên thế giới và của Việt Nam, đặc biệt là các tài liệu chuyên khảo.

**Mẫu vật:** Các mẫu vật thu thập được trong các chuyến điều tra thực địa. Mẫu tiêu bản ép khô được lưu giữ tại các phòng tiêu bản thực vật trong và ngoài nước bao gồm: Phòng Tiêu bản Thực vật – Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Bảo tàng Thực vật – ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội (HNU), Phòng Tiêu bản Thực vật – Viện Dược liệu (HNIP), Bảo tàng Thực vật – Viện Sinh học nhiệt đới TP. Hồ Chí Minh (VNM), Bảo tàng Tự nhiên Paris, Pháp (P),....

Tổng số mẫu nghiên cứu là 368 tiêu bản của 221 số hiệu.

## 2. Phương pháp nghiên cứu:

- Để nghiên cứu phân loại chi Mua (*Melastoma* L.), chúng tôi sử dụng phương pháp Hình thái so sánh, theo Nguyễn Nghĩa Thìn (2007).

- Để nghiên cứu mối quan hệ phát sinh giữa các loài trong chi Mua ở Việt Nam chúng tôi sử dụng phần mềm NTSYSpc2.1: sử dụng “Hệ số tương đồng Jaccard” và phương pháp UPGMA trong NTSYSpc2.1.

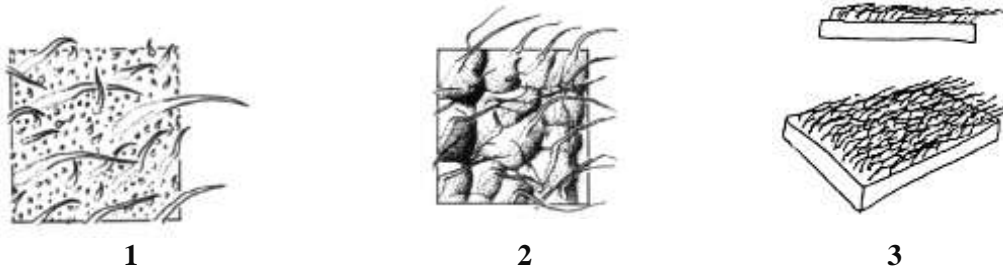
## II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Đặc điểm hình thái chi Mua (*Melastoma* L.) ở Việt Nam

**a. Dạng sống:** Cây bụi mọc đứng hoặc bò lan; phần thân non thường có tiết diện vuông, có khi gần tròn (*M. saigonense*, *M. erbhardtii*, *M. paleaceum* và *M. malabathricum* ssp. *normale*), có rai rạc hay dày đặc lông cứng hoặc vảy ôm thân hoặc không; phần thân già có tiết diện tròn thường không có lông.

**b. Lá:** Lá đơn, nguyên, mọc đối, không có lá kèm; phiến lá hình bầu dục tới hình mác hay hình trứng tới gần tròn; mặt trên phiến thường có lông cứng (áp sát mặt phiến hoặc không) hay có lông măng dày đặc (*M. saigonense*, *M. candidum* và *M. malabathricum* ssp. *normale*), gốc

lông không có nốt mụn (ngoại trừ *M. setigerum*) có khi gần nhẵn (*M. dodecandrum*); mặt dưới phiến thường có lông cứng hay có lông măng (*M. pellegrinianum*, *M. saigonense*, *M. erbhartii*, *M. candidum* và *M. malabathricum* ssp. *normale*) hoặc gần nhẵn (*M. dodecandrum*) (**hình 1**); gốc nhọn tới tròn hoặc hơi có dạng hình tim; chóp nhọn hoặc có mũi nhọn; mép nguyên; gân sơ cấp 3 hoặc 5 hoặc 7 (các gân gần mép thường không rõ), nổi rõ ở mặt dưới phiến; cuống lá có rãnh hình lòng máng, có lông cứng hoặc vảy (dụng hoặc áp sát cuống).



**Hình 1: Dạng lông trên mặt phiến lá của các loài thuộc chi *Melastoma* L.**

1. lông cứng; 2. lông cứng với gốc lông có nốt mụn (*M. setigerum*); 3. lông măng (hình 1, 2. theo K. Meyer, 2001; hình 3. theo James G. Harris, 2001)

### c. Cụm hoa và hoa:

Cụm hoa dạng xim 2 ngã ở ngọn cành hoặc nách lá gần ngọn cành (có khi đơn độc), nhánh của trục cụm hoa thường rất ngắn (hiếm khi dài như ở loài *M. pellegrinianum*).

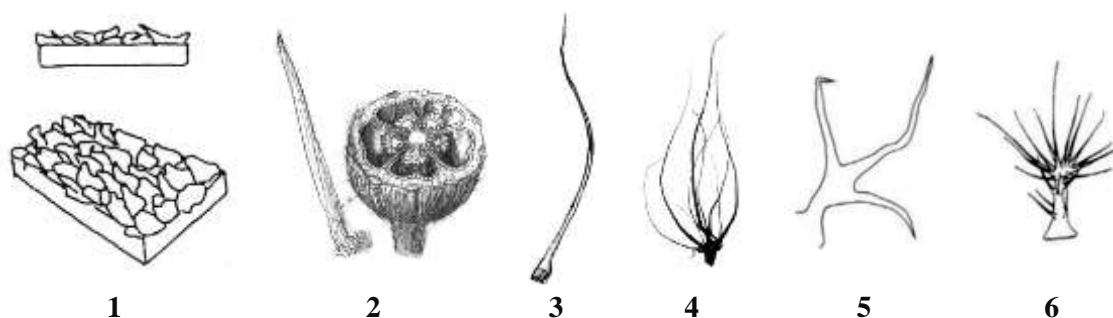
Hoa lưỡng tính, thường mẫu 5 (hiếm khi mẫu 4 hoặc 6 hoặc 7); lá bắc thường có hình trứng, hình tam giác hay hình mác, sớm rụng hoặc tồn tại tới khi quả chín, mặt ngoài lá bắc thường có lông, số ít có vảy nhỏ (*M. setigerum*, *M. imbricatum* và *M. malabathricum*).

Đài hợp ống; ống đài thường hình chuông, mặt ngoài có ít hoặc dày đặc vảy (*M. paleaceum*, *M. setigerum*, *M. imbricatum*, *M. malabathricum* và *M. malabathricum* ssp. *normale*) hoặc lông đơn cứng (*M. pellegrinianum*, *M. erbhartii*, *M. sanguineum* và *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum*) hoặc có lông hình sao (*M. saigonense*) hoặc túm lông có cuống ngắn (*M. dodecandrum*, *M. cyanooides*, *M. orientale* và *M. bauchei*) (hình 2); thùy đài chính thường hình tam giác tới hình mác hay mác hẹp, mặt ngoài có vảy nhỏ hoặc lông cứng (dụng hoặc áp sát), mặt trong thường nhẵn hoặc có lông áp sát, mép có lông; thùy đài phụ nằm xen kẽ thùy đài chính, thường hình đường, có lông trên thân hay đôi khi có dạng lông hình sao có cuống (*M. saigonense*, *M. cyanooides* và *M. orientale*).

Cánh hoa rời, dính trên ống đài, màu hồng-tím tới hồng, hình trứng ngược, có lông ở mép hay ít nhất là có túm lông ở đỉnh.

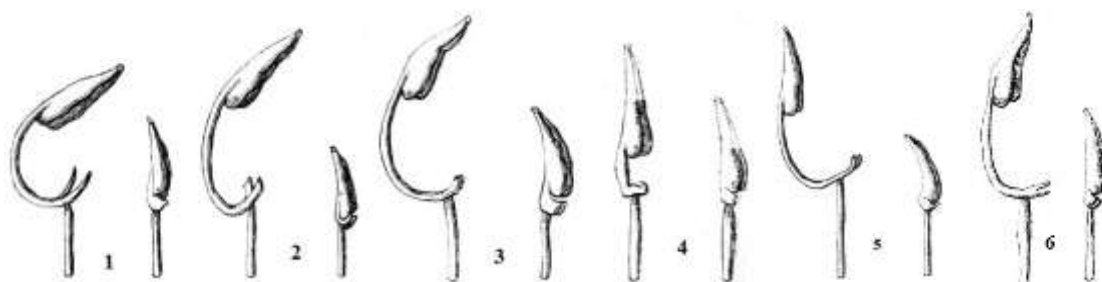
Nhị thường lưỡng hình (hình 3) (đôi khi đồng hình như ở *M. cyanooides* hoặc có khi ở *M. orientale*); số lượng nhị bằng với số cánh hoa, chia 2 vòng, nhị của 2 vòng sắp xếp xen kẽ nhau trên ống đài, trong đó: các nhị dính trên lá đài (nhị vòng ngoài) có phần trung đới ở phía gốc bao phấn (gọi là phần nổi) kéo dài, cong lại ở mặt bụng và tạo thành 2 cửa mặt bụng (ở chỗ nối tiếp với chỉ nhị), các nhị dính trên cánh hoa (nhị vòng trong) có phần nổi không kéo dài nhưng có 2 nốt sần ở mặt bụng (trong trường hợp nhị đồng hình thì phần nổi của tất cả các nhị chỉ hơi kéo dài và có 2 cửa mặt bụng cong lên); bao phấn mở lỗ đơn ở đỉnh, thường có mỏ ngắn (do trung đới kéo dài ở đỉnh bao phấn).

Bầu trung (1/2 chiều dài của bầu dính với ống đài bằng 10 vách, ngoại trừ *M. pellegrinianum* dính với gốc của ống đài), thường 5 ô (hiếm khi 4 hoặc 6 hoặc 7 ô), dính noãn trụ giữa, thường dài bằng 2/3 hoặc bằng ống đài, đỉnh bầu có vòng lông cứng; vòi nhụy thường cong hình chữ S.



Hình 2: Dạng lông trên mặt ngoài ống đài của các loài thuộc chi *Melastoma* L.

1. dạng vảy; 2. dạng lông đơn ngắn (*M. pellegrinianum*); 3. dạng lông đơn dài, cong (*M. erhardtii*, *M. sanguineum* và *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum*); 4. dạng chùm lông có cuống ngắn (có > 3 lông đơn/chùm) (*M. cyanoides*); 5. dạng chùm lông có cuống ngắn (có 1-3 lông đơn/ chùm) (*M. dodecandrum*, *M. orientale* và *M. bauchei*); 6. dạng lông hình sao có cuống (*M. saigonense*) (hình 1. theo Jame G. Harris, 2001; 2. theo C. Depydel 1970; 3 và 4. theo K.V. Quyết, 2017; 5 và 6. theo K. Meyer, 2001)

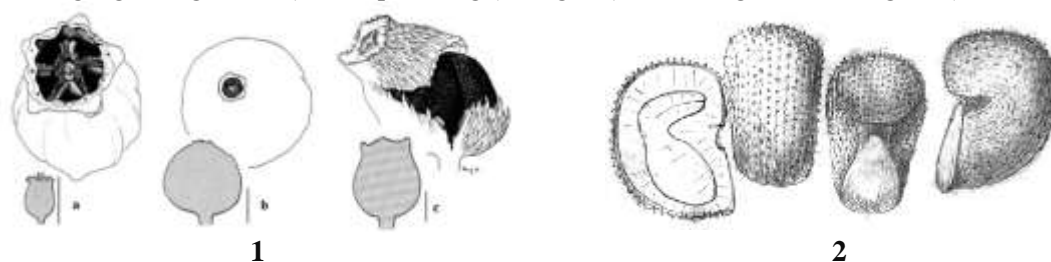


Hình 3: Dạng nhị lưỡng hình của một số loài thuộc chi *Melastoma* L.

1. *M. sanguineum*; 2. *M. dodecandrum*; 3. *M. bauchei*; 4. *M. imbricatum*; 5. *M. malabathricum*; 6. *M. saigonense* (theo A. Guilaumin 1921)

#### d. Quả:

Quả nang khô hình chuông (mở bằng vách dọc từ đỉnh) hoặc nang thịt (mở bằng một đường dọc hoặc ngang không cố định) hoặc quả mọng (không mở) có bộ lông như trên ống đài (hình 4)



Hình 4: Dạng quả và hạt của các loài thuộc chi *Melastoma* L.

1a. quả nang khô (*M. pellegrinianum*); 1b. quả mọng (*M. orientale*); 1c. quả nang thịt (*M. malabathricum*); 2. dạng hạt (hình 1a, b, c. theo K. Meyer, 2001; 2. theo C. Depydel, 1970)

e. Hạt: Hạt nhiều, nhỏ (< 1 mm), cong, dính chặt vào phần thịt (ngoại trừ *M. pellegrinianum*), vỏ hạt có nhiều nướm nhỏ nổi lên. (hình 4).

**2. Khoá định loại các loài trong chi *Mua* (*Melastoma* L.) ở Việt Nam**

- 1A. Bầu dính với gốc ống dài; quả nang khô; nhánh trục cụm hoa dài ..... 1. *M. pellegrinianum*
- 1B. 1/2 chiều dài của bầu dính với ống dài bằng 10 vách; quả nang thịt hoặc quả mọng; các nhánh của trục cụm hoa ngắn.
- 2A. Quả mọng.
- 3A. Bụi đứng, không phát rễ ở mấu thân
- 4A. Các túm lông ở mặt ngoài ống dài luôn gồm > 3 lông đơn/túm; nhị luôn đồng hình .... 2. *M. cyanoides*
- 4B. Các túm lông ở mặt ngoài ống dài luôn gồm < 3 lông đơn/túm; nhị thường lưỡng hình (rất hiếm khi đồng hình) ..... 3. *M. orientale*
- 3B. Bụi mọc bò, phát rễ ở mấu thân ..... 4. *M. dodecandrum*
- 2B. Quả nang thịt
- 5A. Mặt ngoài ống dài có túm lông ngắn (gồm < 3 lông đơn/túm) ..... 5. *M. bauchei*
- 5B. Mặt ngoài ống dài có lông đơn, lông hình sao hoặc có vảy.
- 6A. Mặt ngoài ống dài có lông đơn.
- 7A. Mặt dưới phiến và cuống lá có lông măng ..... 6. *M. erhardtii*
- 7B. Mặt dưới phiến có lông cứng, ngắn; cuống lá có lông cứng, dài, dựng.
- 8A. Mặt ngoài ống dài có lông đơn, dài, cong, không lợp lên nhau .... 7. *M. sanguineum*
- 8B. Mặt ngoài ống dài có lông đơn, dài, lợp lên nhau ..... 8. *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum*
- 6B. Mặt ngoài ống dài có lông hình sao hoặc vảy.
- 9A. Mặt ngoài ống dài phủ dày lông hình sao ..... 9. *M. saigonense*
- 9B. Mặt ngoài ống dài có vảy.
- 10A. Vảy ở mặt ngoài ống dài không lợp lên nhau ..... 10. *M. paleaceum*
- 10B. Vảy ở mặt ngoài ống dài lợp lên nhau.
- 11A. Mặt trên phiến lá có lông cứng, gốc lông có nốt mụn ..... 11. *M. setigerum*
- 11B. Mặt trên phiến lá có lông cứng hoặc lông măng, gốc lông không có nốt mụn.
- 12A. Lá bắc lớn bao trọn nụ hoa, mặt ngoài lá bắc có phủ lông đơn ..... 12. *M. candidum*
- 12B. Lá bắc nhỏ không bao trọn nụ hoa (nếu lá bắc lớn thì mặt ngoài lá bắc có vảy)
- 13A. Hai mặt phiến phủ dày lông măng ..... 13. *M. malabathricum* ssp. Normale
- 13B. Hai mặt phiến có lông cứng, ngắn, mọc áp phiến hoặc chỉ có lông măng ở mặt dưới phiến lá.
- 14A. Cụm hoa trên cành non; vảy trên ống dài dài 1,5-2,5 mm; lá có kích thước 7-15 x 3-6,5 cm (có khi 4-6 x 0,6-1,5 cm)..... 14. *M. malabathricum*
- 14B. Cụm hoa nằm trên thân chính; vảy trên ống dài dài 1-1,5 mm; kích thước lá rất lớn (lớn nhất trong các loài thuộc chi *Melastoma*) 13,5-26 x 4,5-15 cm ..... 15. *M. imbricatum*

**3. Đề xuất thứ mới *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum* cho chi *Mua* (*Melastoma* L.) ở Việt Nam**

Trong quá trình thu mẫu thực địa tại khu vực tiếp giáp với Vườn Quốc gia Tam Đảo - Vĩnh Phúc, chúng tôi nhận thấy trong cùng một khu vực sinh thái (đường mòn ven rừng ở độ cao khoảng 600-700 m) mọc gần với những cá thể *Melastoma sanguineum* (mang những đặc điểm chuẩn loại đặc trưng của loài) là những cá thể mang nhiều đặc điểm dạng sống giống với *M. sanguineum* nhưng lại khác với *M. sanguineum* về đặc điểm của bộ lông bên ngoài ống dài của

hoa; những cá thể này có cùng thời điểm ra hoa với *M. sanguineum* nên dễ dàng nhận ra được sự khác biệt này.

Trên cơ sở phân tích những mẫu vật thu thập được, đối chiếu so sánh với mẫu chuẩn và bản mô tả gốc của các loài đã từng được công bố ở Việt Nam và những loài gần gũi trên thế giới, chúng tôi định loại được chúng là loài *M. gaudichaudianum* đã từng được Naudin công bố năm 1850. Tuy vậy, một số tác giả sau này cho rằng loài này là tên đồng nghĩa của loài *M. sanguineum* (như: Guillaumin, 1921 [6]; Meyer, 2001 [10],...). Chúng tôi nhận thấy, bên cạnh những đặc điểm tương đồng về dạng sống với loài *M. sanguineum* thì chúng có sự khác biệt rõ rệt về dạng lông bên ngoài ống đài (hình 7): nếu như loài *M. sanguineum* là lông cứng, dài (thường có màu nâu đỏ) và không lợp lên nhau nên có thể nhìn thấy mặt ngoài ống đài, còn những mẫu vật thu được có lông cứng, dài, màu trắng và lợp lên nhau.

Từ đó, chúng tôi đề xuất chuyển loài *Melastoma gaudichaudianum* thành 1 thứ của loài *Melastoma sanguineum* với tên là:

***Melastoma sanguineum* Sims var. *gaudichaudianum* (Naudin) K. V. Quyét et D. T. Xuyen** – *Mua gaudichaud* – comb. & stat. nov. (hình 5, 6).

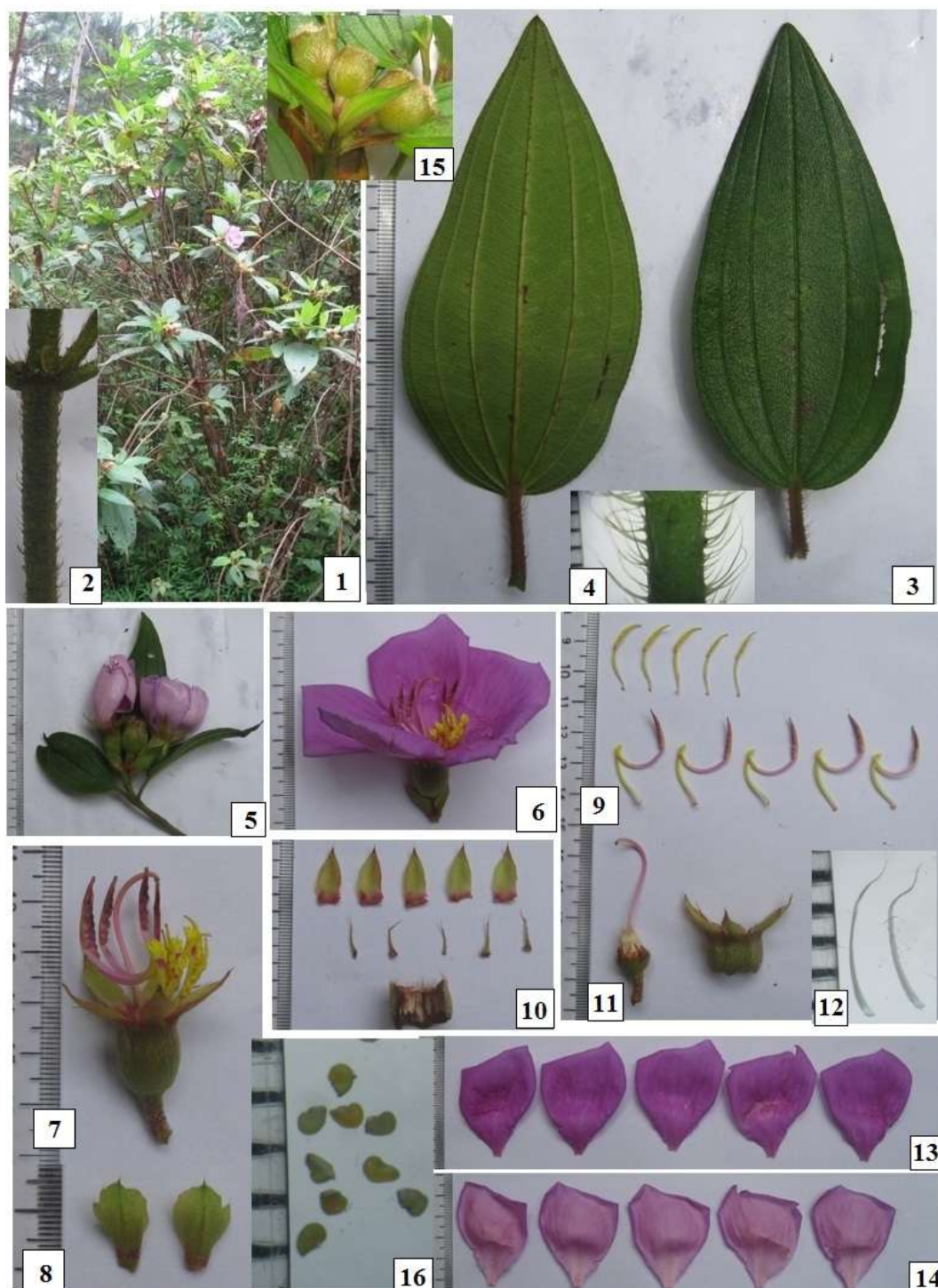
- *Melastoma gaudichaudianum* Naudin, 1850. Ann. Sci. Nat., Bot. ser III. 13(5): 278; Miquel. 1855. Fl. Ned. Ind. 1(1): 504.

**Mẫu nghiên cứu:** VĨNH PHÚC, Khuất Văn Quyét 120716 (HPU2). - ĐÀ NẴNG, C. Gaudichaud 110 (P). - NINH THUẬN, D. Djendoel Soejarto và cộng sự DDS\_14873 (P).

**Chú ý:** Đây chưa phải là tên khoa học được công nhận chính thức sau khi bài báo này được xuất bản tại Hội nghị này (mới là đề xuất). Bài báo cần được viết lại theo đúng luật để được công nhận chính thức trong bài báo tiếp theo.

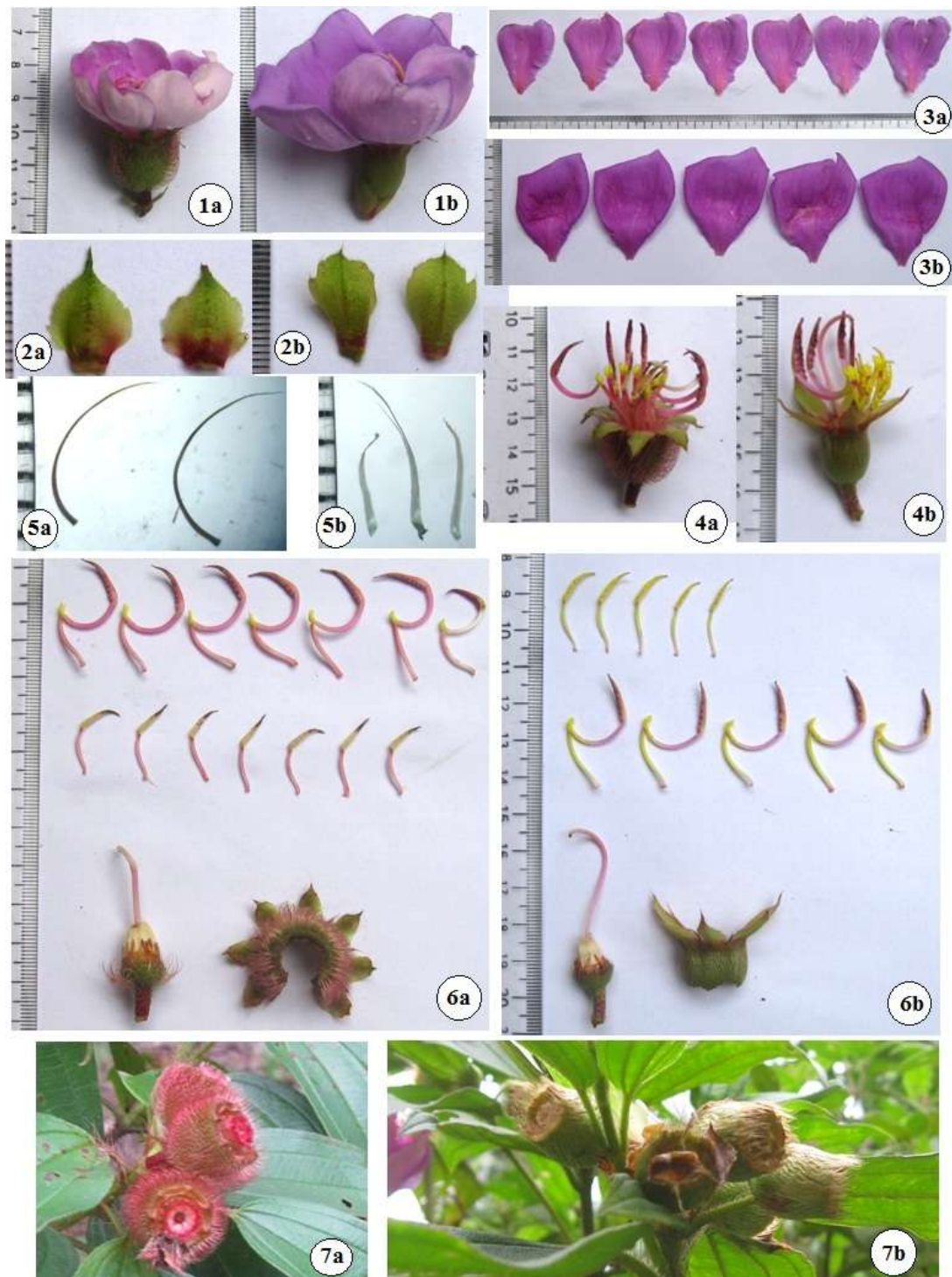


Hình 5: *Melastoma sanguineum* Sims. var. *gaudichaudianum* (Naudin) K. V. Quyét et D. T. Xuyen  
1. cành mang hoa; 2. hoa tách tràng; 3. dạng lông trên ống đài; 4. lá bắc; 5. cánh hoa; 6. nhị vòng ngoài; 7. nhị vòng trong (theo K. V. Quyét, vẽ từ mẫu Quyét 120716 (HPU2))



Hình 6: *Melastoma sanguineum* Sims var. *gaudichaudianum* (Naudin) K.V. Quyet et D.T. Xuyen

1. dạng sống; 2. lông trên cành non; 3. lá; 4. lông trên cuống lá; 5. cụm hoa; 6. hoa với lá bắc; 7. hoa tách tràng; 8. lá bắc; 9. bộ nhị; 10. ống đài và các thùy đài; 11. bầu nhụy và ống đài; 12. lông trên ống đài; 13, 14. cánh hoa; 15. cụm quả; 16. hạt  
(ảnh K. V. Quyet, Ngọc Thanh – Vĩnh Phúc, 2016)

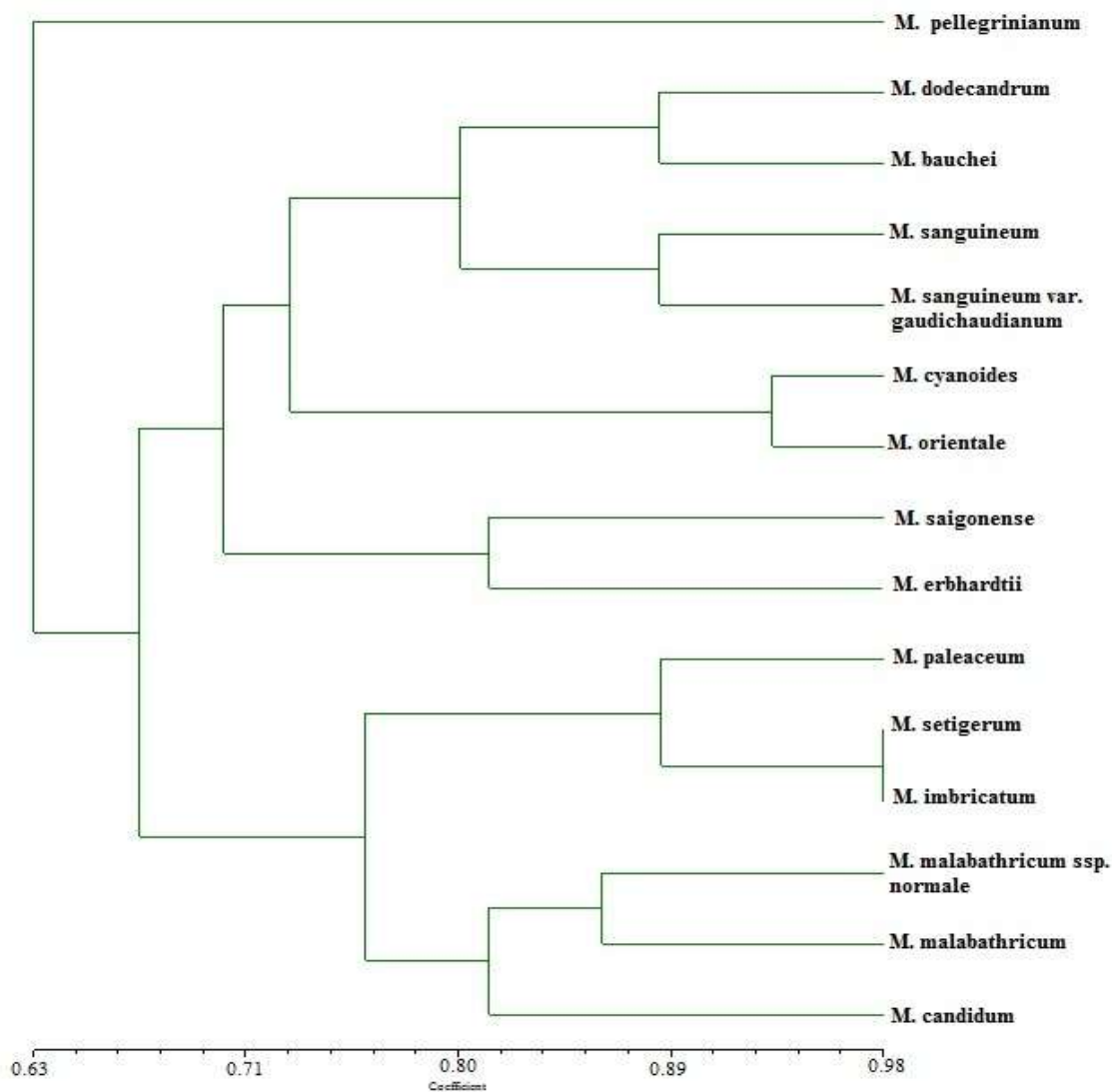


Hình 7: So sánh đặc điểm hình thái của hoa, quả và đặc điểm cấu tạo hoa giữa loài chuẩn *M. sanguineum* (a) và thứ mới *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum* (b)

1. hình thái hoa; 2. lá bắc; 3-6. cấu tạo hoa; 7. hình thái quả  
(ảnh K. V. Quyết, Ngọc Thanh – Vĩnh Phúc, 2016)

#### 4. Bước đầu tìm hiểu mối quan hệ phát sinh giữa các loài trong chi *Mua* (*Melastoma* L.) ở Việt Nam

Dựa trên những đặc điểm hình thái thu được từ việc phân tích mẫu vật, chúng tôi đã lựa chọn 51 đặc điểm hình thái của các loài thuộc chi *Mua* ở Việt Nam, bằng phần mềm NTSYSpc2.1: sử dụng “Hệ số tương đồng Jaccard” và phương pháp UPGMA trong NTSYSpc2.1 để bước đầu xác định mối quan hệ gần gũi giữa các loài trong chi *Mua* ở Việt Nam.



Hình 8: Mối quan hệ gần gũi giữa các loài trong chi *Mua* (*Melastoma* L.) ở Việt Nam

Kết quả phân tích cho thấy, với hệ số tương quan ở mức 0,63 có thể chia các loài thuộc chi *Mua* ở Việt Nam ra thành 2 nhóm:

Nhóm 1: chỉ gồm 1 loài là *M. pellegrinianum*.

Nhóm 2: gồm các loài còn lại; các loài này lại được chia thành 2 nhóm với hệ số tương quan ở mức 0,67:



Nhóm 2.1: gồm 7 loài và 1 thứ; trong đó với hệ số tương quan tới 0,89 có thể thấy mối quan hệ gần gũi giữa: *M. dodecandrum* với *M. bauchei*, *M. sanguineum* với *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum*; với hệ số tương quan tới 0,93 cho thấy *M. cyanoides* có mối quan hệ gần gũi với *M. orientale*; với hệ số tương quan 0,81 cho thấy *M. saigonense* có mối quan hệ gần gũi nhất định với *M. erhardtii*.

Nhóm 2.2: gồm 5 loài và 1 phân loài; trong đó với hệ số tương quan 0,89 cho thấy mối quan hệ gần gũi giữa 3 loài: *M. paleaceum*, *M. setigerum* và *M. imbricatum*; với hệ số tương quan 0,81 cho thấy mức độ gần gũi của *M. candidum* với *M. malabathirum*; giữa *M. malabathricum* với *M. malabathricum* ssp. *normale* có hệ số tương quan là 0,86.

### III. KẾT LUẬN

Xác định được có 13 loài, 1 phân loài và 1 thứ thuộc chi *Mua* (*Melastoma* L.) ở Việt Nam. Trong công trình này, chúng tôi đã bổ sung thêm 1 thứ mới cho Việt Nam thuộc loài *M. sanguineum* là: *M. sanguineum* var. *gaudichaudianum*; đồng thời, chúng tôi đã xây dựng bản mô tả chi, xây dựng khóa định loại cho 13 loài, 1 phân loài và 1 thứ thuộc chi *Mua* ở Việt Nam.

Trên cơ sở các đặc điểm hình thái phân tích được, chúng tôi đã lựa chọn 51 đặc điểm hình thái của các loài thuộc chi *Mua* ở Việt Nam, sử dụng phần mềm NTSYSpc2.1 đã xây dựng được cây phát sinh chủng loại bước đầu thể hiện được mối quan hệ gần gũi về mặt hình thái giữa các loài trong chi *Mua* ở Việt Nam.

**Lời cảm ơn:** Đề tài này được tài trợ kinh phí từ Quỹ Hoạt động Khoa học và Công nghệ của trường ĐHSPT Hà Nội 2, mã số: C.2017.33. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Phòng Tiêu bản Thực vật – Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN), Bảo tàng Thực vật – ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội (HNU), Phòng Tiêu bản Thực vật – Viện Dược liệu (HNIP), Bảo tàng Thực vật – Viện Sinh học nhiệt đới TP. Hồ Chí Minh (VNM), Phòng Thí nghiệm Thực vật trường ĐHSPT Hà Nội 2 đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành đề tài này.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. **Đỗ Huy Bích và cs.**, 2004. *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, tập 2: 306-311.
2. **Chen, J. & Renner S. S.**, 2007. *Flora of China*, USA, Vol 13: 360-399.
3. **Võ Văn Chi**, 2012. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, tập 2: 151-159.
4. **Nguyễn Kim Đào**, 2003. Danh lục các loài thực vật ở Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2: 915-918.
5. **Lê Trần Đức**, 1997. *Cây thuốc Việt Nam, trồng hái, chế biến trị bệnh ban đầu*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 719-720.
6. **Guillaumin, 1912.** Flore Générale de L'Indo-Chine, Paris, 2: 864-936.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999. *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb. Trẻ, TP Hồ Chí Minh, tập 2: 71-103.
8. **Linnaeus**, 1957. *Species Plantarum*, Stockom, 1: 389-391.
9. **Loureiro**, 1790. *Flora Cochinchinensis*, Lisbon, 1: 273-274.
10. **Meyer**, 2001. Revision of the Southeast Asian genus *Melastoma* (Melastomataceae), *Blumea*, 46(2): 351-398.
11. **Renner S. S. et al.**, 2001. *Flora of Thailand*, Bang Kok, 7(3): 438-450.

12. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2007. Phương pháp nghiên cứu thực vật, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 171 trang.

**SOME DATA ON TAXONOMY OF THE GENUS *MELASTOMA* L. IN VIETNAM**

**Khuat Van Quyet, Do Thi Xuyen**

**SUMMARY**

Genus *Melastoma* L. (Melastomataceae Juss.) in Vietnam comprises 13 species, 1 subspecies and a proposed new variety (*Melastoma sanguineum* Sims var. *gaudichaudianum* (Naudin) K. V. Quyet et D. T. Xuyen). This genus is an important component in ecosystem, especially in secondary forests; 6 species and 1 subspecies are used as medicinal plants; other uses of *Melastoma* include wood for burning or fruits for dyeing. Thus, the *Melastoma* plays an important role not only in science but also in economy.

In the article, almost all characteristics of genus *Melastoma* have been presented, such as: leaves lanceolate to ovate, the lamina almost glabrous, strigose or subvillous to villous; inflorescences terminal or in distal leaf axils, cymose, rarely flowers solitary; flowers normally 5-merous (4, 6 or 7); hypanthium campanulate, moderately to densely covered with scales, bristles or complex emergences; stamens normally dimorphia (rarely isomorphia); ovary 5-locular and apically bristly; dry capsule or fleshy capsule or indehiscent berry; seeds cochlate,... The key to identify all taxa of the genus has been constructed. Besides, phylogenetic tree was 51 morphological characteristics of 13 species, 1 subspecies and 1 variety which were divided in 2 groups at polymorphic information content (PIC) = 0,63.